

Số: 01/CB-TVNN

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng nông nghiệp nông thôn Kon Tum công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm vật liệu và kiểm định công trình như sau:

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN
NGÀNH XÂY DỰNG**

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng nông nghiệp nông thôn Kon Tum
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty Cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 6100201631. (Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 9 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 05 tháng 8 năm 2021).
3. Địa chỉ trụ sở chính: 232 Trần Khánh Dư, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi
4. Địa chỉ hòm thư điện tử: tvnnntkontum@gmail.com.
- Website: <https://laskagruco.com>
5. Số điện thoại: 02603 864 022
6. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định công trình
7. Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 232 Trần Khánh Dư, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi

**II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC HOẠT THÍ
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm: (phụ lục 01 kèm theo)
2. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ: (phụ lục 02 kèm theo)
3. Danh sách thí nghiệm viên: (phụ lục 03 kèm theo)

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng nông nghiệp nông thôn Kon Tum chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố nêu trên./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu VT, PTN.

GIÁM ĐỐC



Thái Ngọc Vinh



PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
	Hỗn hợp bê tông và bê tông hạng nặng	
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN3106:93
2	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN3108:93
3	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN3109:93
4	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN3110:93
5	Xác định khối lượng riêng	TCVN3112:93
6	Xác định độ hút nước	TCVN3113:93
7	Xác định khối lượng thể tích	TCVN3115:93
8	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN3118:93
	Thử cốt liệu bê tông và vữa	
9	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:06
10	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
11	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
12	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:06
13	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
14	Xác định HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
15	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:06
16	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
17	XĐ độ ném đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:06
18	XĐ hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
19	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572- 17:06
20	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
21	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng	
22	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012

23	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
24	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
25	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012
26	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN4199:2012
27	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
28	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN4201:2012
29	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
30	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-00
31	Đảm nén tiêu chuẩn của đất, đá dăm	22 TCN 333-2006; TCVN 4201:2012
Thí nghiệm hiện trường		
32	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	22TCN 02-71; TCVN8729:2012
33	Xác định độ chặt của vật liệu nền móng bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8730:2012; AASHTO T91:2012
34	Đo độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
35	Xác định modul đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
36	Xác định môđun đàn hồi “E” chung của áo đường mềm bằng cần đo độ võng Benkelman	TCVN 8867:2011
37	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
38	Xác định hệ số thấm của đất đá chứa nước bằng phương pháp hút nước thí nghiệm từ lỗ	TCVN9148:2012
39	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan.	TCVN 9149:2012
40	Phương pháp xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan	TCVN8731:2012
41	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời	TCVN 8821:2011



PHỤ LỤC 02: DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

STT	TÊN MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ	GHI CHÚ
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG	
1	Cân kỹ thuật điện tử. Model DJ-4000 - Shinko - Nhật. Nguồn: 220V hoặc pin 9V	Khả năng cân: 4kg, độ chính xác 0.01gr, có móc cân thủy tĩnh
2	Cân kỹ thuật điện tử. Model BC30/BC15 - Ohaus - Mỹ. Nguồn: Pin sạc	Khả năng cân: 30kg x 1g/15Kg x 0,5g. Chức năng cân trừ bì; đếm hạt; chuyển đổi các đơn vị trọng lượng
3	Máy hút chân không. Model 2XZ - 1 - Trung Quốc. Nguồn 220V : 50Hz	Lưu lượng: 60 lít/phút. Độ chân không đạt được: 6x10 ⁻² mmHg. Kèm ống su chịu áp lực: van 3 nhánh, đồng hồ chân không 760mmHg
4	Bình hút chân không - Trung Quốc	Đường kính: Φ300mm; cao 250mm; kèm 01 tấm sứ có lỗ đặt mẫu; nắp có van hút chân không
5	Đồng hồ bấm giây - Trung Quốc	
II	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG	
1	Máy nén bê tông. Model TYE - 2000 - Wuxi New Luda - Trung Quốc. Nguồn 220V; 750W; Trọng lượng: 850Kg	Chỉ thị lực nén bằng đồng hồ với hai thang: 0-800KN/2,5KN; 0-2000KN/5KN Phù hợp nén mẫu lập phương đến 200mm và mẫu trụ đến Φ160mm. Tấm nén mẫu: 260 x 320mm
2	Côn độ sụt bê tông - Việt Nam	Vật liệu bằng Inox có kích thước Φ100/D200xH300mm. Kèm khay tôn 600 x 600 x 50mm, thanh đầm Φ16 x 600mm, phiếu rót, xẻng xúc vật liệu
3	Bàn rung bê tông - Việt Nam. Nguồn 220V; 1,5 KW	Dùng tạo mẫu bê tông; xác định khối lượng thể tích bê tông. Mặt bàn có kích thước 0,6 x 0,6m. Biên độ rung: 0,5mm, tần số: 2,860 vòng/phút
4	Khuôn đúc mẫu bê tông - Trung Quốc	Khuôn bằng ngang, khuôn kép ba, kính thước: 150 x 150 x 150mm
5	Khuôn đúc mẫu bê tông - Trung Quốc	Khuôn bằng ngang, khuôn đơn, kính thước: 200 x 200 x 200mm

III	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU	
1	Bộ sàng tiêu chuẩn lỗ vuông - Trung Quốc. Đường kính: 200mm	Cỡ lỗ: 10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14. Cộng: 7 cái + khay hứng và nắp đậy
2	Bình xác định hàm lượng bụi bùn sét của cát - Việt Nam	Bình bằng thép $\Phi 120 \times H320\text{mm}$ có 02 vòi với van khóa để cấp nước; vòi tràn
3	Bảng so màu - Việt Nam	Gồm có 05 màu chuẩn gắn trên giá đỡ theo ASTM C40
4	Bộ khuôn nén đập trong xi lanh của đá - Việt Nam. Gồm 02 cỡ: $\Phi 75 \times H75$ và $\Phi 150 \times H150\text{mm}$: Mỗi loại 01 cái	Xi lanh làm bằng thép dày 5mm: loại $\Phi 75 \times H75$ và $\Phi 150 \times H150\text{mm}$ piston cho 02 loại trên là tấm đế
5	Bộ thùng đo xác định khối lượng thể tích xốp của vật liệu - Việt Nam	Vật liệu bằng thép phủ sơn: loại 1, 2, 5, 10, 20 lít có đường kính bằng chiều cao
6	Phiếu xác định khối lượng thể tích xốp của đá - Việt Nam	Vật liệu làm bằng thép phủ sơn; có giá đỡ; thể tích >25 lít
7	Phiếu xác định khối lượng thể tích xốp của cát - Việt Nam	Vật liệu làm bằng thép phủ sơn; có giá đỡ; thể tích >2 lít
8	Bình xác định hàm lượng bụi bùn sét của đá - Việt Nam	Bình trụ bằng thép $\Phi 250 \times H350\text{mm}$ có 02 vòi với van khóa để cấp nước; vòi tràn
	Bình tam giác 250ml - Trung Quốc	
IV	THÍ NGHIỆM ĐẤT	
1	Ống đo 1000ml - Trung Quốc	
2	Ống đo 100- 250 - 500 - Trung Quốc	
3	Bình tỷ trọng 100ml - Trung Quốc	
4	Tấm kính nhám xác định giới hạn dẻo - Việt Nam	Qui cách: $300 \times 300 \times 10\text{mm}$
5	Máy nén đất có kết tam liên một trục thấp áp. Model WG - Nanjing - Trung Quốc	Lực nén: Mẫu 30cm^2 : 12,5 - 800Kpa. Mẫu 50cm^2 : 12,5-400Kpa. Cung cấp đồng bộ với 03 bộ hộp nén mẫu; 03 dao vòng 30cm^2 ; 03 dao vòng 50cm^2 ; 09 đá thấm cho mẫu 30cm^2 và 50cm^2 ; 03 đồng hồ chuyển vị $10 \times 0,01\text{mm}$, 01 tấm kiểm tra độ đàn hồi của bàn máy nén và bộ quả cân tỷ lệ.

6	Bộ còi chày sứ - Trung Quốc	
7	Bộ cốt chày đồng - Việt Nam	
8	Dao vòng 30cm ² - Nanjing - Trung Quốc	Bảng thép không rỉ: Φ61,18 x 20mm
9	Bộ còi chày Proctro cải tiến - Việt Nam	Vật liệu bằng thép mạ gồm: + Chày đầm Φ50,8mm; trọng lượng 4,5kg; hành trình rơi: 450mm + Còi Φ152 x 116mm; đế và ống dẫn
10	Bộ còi chày Proctro tiêu chuẩn - Việt Nam	Vật liệu bằng thép mạ gồm: + Chày đầm Φ50,8mm; trọng lượng 2,5kg; hành trình rơi: 300mm + Còi Φ101 x 116mm; đế và ống dẫn
11	Dụng cụ xác định hệ số thấm đất. Model TST - 55 - Nanjing - Trung Quốc	Bao gồm: + Hộp thử thấm TST-55 - Nanjing - Trung Quốc. Hộp thử thấm bằng đồng; dao vòng Φ61,8 x 40mm; 02 viên đá thấm; 02 roan su dự phòng. + Dụng cụ đo độ thấm - Việt Nam. Gồm các ống áp kế thủy tinh; thước thép chia vạch gắn trên bảng gỗ; van khóa
V	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
1	Máy cắt phẳng - Trung Quốc	
2	Tủ sấy - Trung Quốc	
3	Bếp cát - Việt Nam	
4	Tỉ trọng kế loại A - Tỷ trọng kế loại B	
5	Bộ nón xuyên tiêu chuẩn	
6	Bộ rây tiêu chuẩn	
7	Phiếu rót cát Model GRY - II - Nanjing - Trung Quốc	Bình đựng cát bằng nhựa với thể tích 4lít, kèm theo tấm dung trọng
8	Thước 3m xác định độ bằng phẳng mặt đường Model ZSC - 1 - Nanjing - Trung Quốc	Vật liệu bằng nhôm - có level nước. Thước gồm 02 đoạn dài 1,5m có thể gấp được, kèm thước tiểu li đo khe hở và túi da bảo quản

9	Cần benkelman xác định Mô đun đàn hồi mặt đường - Việt Nam	Cần tỷ lệ 1:2. Vật liệu bằng Inox gọn nhẹ. Kèm theo 01 đồng hồ chuyển vị - Trung Quốc
10	Bộ ép tĩnh sử dụng kết hợp với Cần benkelman - Việt Nam	
11	Bộ dao đai xác định dung trọng hiện trường - Trung Quốc vòng thí nghiệm hiện trường	Bao gồm 3 dao: $\Phi 70 \times 52$; 1 ống dẫn và 1 đế
12	Máy nén không nở hông (Trung Quốc)	Áp suất đo tối đa: 1600 kPa; Tỷ lệ đòn danh nghĩa: 1/12; Diện tích khuôn mẫu: 30 cm ²
13	Vòng lực máy cắt phẳng (Trung Quốc)	Phạm vi đo: (0 ÷ 1,2) kN; Đồng hồ so: 10 mm/0,01 mm
14	Kính thủy lực và áp kế (Trung Quốc)	Khả năng tạo lực danh nghĩa: 200 kN; Phạm vi đo: (0 ÷ 600) Kg/cm ² kN; Giá trị vạch chia: 10 Kg/cm ²
15	Máy thử nén (Trung Quốc)	Phạm vi đo: (0 ÷ 800) kN; giá trị vạch chia: 2,5 kN; 5 kN



PHỤ LỤC 03: DANH SÁCH THÍ NGHIỆM VIÊN

STT	HỌ VÀ TÊN	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ
01	Nguyễn Lê Anh Phú	Kỹ sư địa chất	- Đại học - Quản lý phòng thí nghiệm - Thí nghiệm đất xây dựng
02	Ngô Hữu Vy	Kỹ sư xây dựng cầu đường	- Đại học - Thí nghiệm đất xây dựng
03	Huỳnh Mạnh Dũng	Kỹ sư xây dựng cầu đường	- Đại học - Thí nghiệm vật liệu xây dựng (<i>xi măng; cốt liệu cho bê tông nặng và vữa xây dựng; hỗn hợp bê tông và bê tông nặng, gạch xây</i>)
04	Thái Văn Kiệm	Kỹ sư xây dựng cầu đường	- Đại học - Thí nghiệm đất xây dựng